TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHO QUAN** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07 /2025/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2025
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHO QUAN, TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Thanh Nhàn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hà Quang Văn

Bà Nguyễn Thị Phương Thiệu

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thẩm tra viên, Toà án nhân dân huyện Nho Quan

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Ngần – Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 01 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 262/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2024 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn*". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 75/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-DS ngày 13 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị P, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên (Vắng mặt có lý do)

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Gia Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình (Vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, nguyên đơn chị Phạm Thị Phương trình B:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ được tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại UBND xã T, thành phố H, tỉnh Hưng Yên. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và cãi nhau có hành vi bạo lực gia đình và đỉnh điểm vợ chồng đánh nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải. Đầu

tháng 11 năm 2024 vợ chồng mâu thuẫn anh Đ đã bỏ về nhà ở xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình để ở đến nay. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, không còn ai quan tâm đến nhau, không còn liên hệ gì đến nhau nên xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị làm đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn anh Nguyễn Gia Đ.

+ Về con chung: chị và anh Nguyễn Gia Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 và cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018. Hiện nay cháu T và cháu T1 đang ở với chị. Sau khi nộp đơn ly hôn ngày 24/11/2024 anh Đ đã cho chị đón cháu T2 về Hưng Yên để cháu tiếp tục theo học. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến khi các con đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con,chị không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chung: chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin xử vắng mặt chị Phạm Thị P vẫn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Gia Đ vì tình cảm anh chị không còn. Về con chung chị P có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến khi các con đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu. Về tài sản chung và công nợ chung chị P không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Gia Đ và các tài liệu,chứng cứ có tại hồ sơ thể hiện như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Đúng như chị P trình bày về địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn và có phát sinh mâu thuẫn còn về nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị do bất đồng quan điểm sống nay chị P nộp đơn xin ly hôn anh Đ cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh và chị P có ba con chung là cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 và cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018. Hiện nay cháu T và cháu T1 đang ở với mẹ. Cháu T2 đang ở với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh Đường K yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Nho Quan tham gia tố tụng tại phiên tòa giải quyết vụ án sơ thẩm phát biểu ý kiến:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng các Điều 5, Điều 147, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị P. Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Gia Đ.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung:

Giao cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018 cho anh Nguyễn Gia Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T2, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Đ, chị P không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1].*Về áp dụng pháp luật tố tụng*:

Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn; Tòa án nhân dân huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 28, Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Phạm Thị P có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Theo khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải là có căn cứ.

- Ngày 19/12/2024 là nguyên đơn chị Phạm Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo quy định Điều 227; khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

- Anh Nguyễn Gia Đ là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Vì vậy tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2].*Về áp dụng pháp luật nội dung*:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Gia Đ được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn ngày 25/12/2006 tại UBND xã T, huyện T (nay thành phố H), tỉnh Hưng Yên trên cơ sở tự nguyện đây là cuộc hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày

25/12/2006 đây là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hòa thuận hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do thường xuyên xảy ra mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống và cãi nhau có hành vi bạo lực gia đình và đỉnh điểm vợ chồng đánh nhau, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải. Đầu tháng 11 năm 2024 vợ chồng mâu thuẫn anh Đ đã bỏ về nhà ở xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình để ở cho đến nay. Chị P thấy cho đến nay mâu thuẫn đã căng thẳng, trầm trọng không còn ai quan tâm đến cuộc sống của nhau nữa. Nên chị làm đơn này đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Gia Đ. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Nguyễn Gia Đ đã trình bày: Về quan hệ hôn nhân: về địa điểm, điều kiện đăng ký kết hôn và có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn của anh chị do bất đồng quan điểm sống, chị P nộp đơn xin ly hôn anh Đ cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: anh và chị P có ba con chung là cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 và cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018. Hiện nay cháu T và cháu T1 đang ở với mẹ. Cháu T2 đang ở với anh Đ. Khi ly hôn anh Đ có nguyện vọng nuôi cả 03 con đến khi các con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng anh Đường K yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, công nợ chung: không đề nghị Tòa án giải quyết. Chính quyền địa phương nơi anh Đ cư trú cũng xác nhận. Sau khi đăng ký kết hôn không sinh sống tại xã P, huyện N mà sống tại xã T, thành phố H. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng chị P và anh Đ thì địa phương không nắm rõ nhưng thực tế từ tháng 11 năm 2024 anh Đ có về nhà bố mẹ đẻ để sinh sống. Do vậy Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận đơn khởi kiện của chị P, xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Nguyễn Gia Đ là phù hợp Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: chị P và anh Đ có 03 con chung là cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 và cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018. Hiện nay cháu T và cháu T1 đang ở với chị P trong quá trình giải quyết vụ án chị P đã đón cháu T2 về chăm sóc và nuôi dưỡng. Tại bản tự khai anh Đ khai cháu T2 hiện nay đang ở với anh Đ. Khi ly hôn chị P có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi vì cả 03 cháu đều do chị đang nuôi dưỡng và các cháu hiên đang theo học tại trường tiểu học và trung học cơ sở Tân Hưng thành phố H nơi chị cư trú và công tác. Quá trình làm việc tại bản tự khai anh Đ cũng có nguyện vọng được nuôi cả 03 cháu đến khi các cháu đủ 18 tuổi vì anh có đủ điều kiện để nuôi cả 03 con. Tại đơn đề nghị của các cháu T và cháu T1 đề ngày 25/11/2024, các cháu có trình bày nguyện vọng muốn được ở với mẹ là chị P. Vì vậy, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, nguyện vọng được nuôi con của anh Đ và chị P là chính đáng tuy nhiên để đảm bảo quyền lợi và điều kiện sống của các cháu được

học tập và giáo dục tốt nhất. Hội đồng xét xử thấy rằng cần giao cho chị Phạm Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 đến khi các cháu đủ 18 tuổi và giao cho anh Nguyễn Gia Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018 đến khi cháu T2 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng: Chị P, anh Đường không ai yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3].Về tài sản chung, công nợ chung: chị P không yêu cầu do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3].Về án phí hôn nhân và gia đình: chị Phạm Thị P chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Xử:

1. Xử cho chị Phạm Thị P được ly hôn đối với anh Nguyễn Gia Đ. Quan hệ hôn nhân của chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Gia Đ chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Xuân T sinh ngày 09/9/2010; cháu Nguyễn Thị Thu T1 sinh ngày 12/2/2017 cho chị Phạm Thị P trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T, cháu T1 đủ 18 tuổi.

Giao cháu Nguyễn Gia T2 sinh ngày 27/8/2018 cho anh Nguyễn Gia Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cho đến khi cháu T2, đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị P, anh Đường K phải cấp dưỡng nuôi con chung.

"Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở giáo dục con; Cha mẹ không trực tiếp nuôi con không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con"

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Nho Quan, tỉnh Ninh Bình theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BLTU/23/0001430 ngày 21 tháng 11 năm 2024.

4. Án xử công khai sơ thẩm chị Phạm Thị P và anh Nguyễn Gia Đ vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Thị Thanh Nhàn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND H. NQ;
- Chi cục THA H. NQ;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lâm Thị Thanh Nhàn